

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2019/HNGĐ-PT**

Ngày: 09-4-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Đỗ Quảng Oai**

2. Ông **Nguyễn Hồng Lam**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quyền**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hải** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/3/2019 và ngày 09/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2019/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2018/HNGĐ-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 56/2019/QĐTNPT-HNGĐ(HC) ngày 13/3/2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 151/TBMLPT-HNGĐ(HC) ngày 26/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐ-PT(HC) ngày 26/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đình Công T**, sinh năm 1989; nơi cư trú: C, khu 2 phường T, thành phố H, tỉnh H; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị **Nghiêm Thị Hà M**, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Số 46 C, khu 2 phường T, thành phố H, tỉnh H; nơi tạm trú: Phố C, phường N, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Anh **Phạm Thế H**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Q; nơi làm việc: Công ty Luật V; địa chỉ: Phố V, phường H, thành phố H, tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa ngày 09/4/2019.

2. Chị **Hoàng Thị P**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện H,

tỉnh Q; nơi làm việc: Công ty Luật V; địa chỉ: Phố V, phường H, thành phố H, tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa ngày 09/4/2019.

Người kháng cáo: Chị Nghiêm Thị Hà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Anh Đinh Công T và chị Nghiêm Thị Hà M đăng ký kết hôn ngày 12/6/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau.

Theo anh T, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống chung không được hòa hợp, bất đồng quan điểm trong suy nghĩ và lối sống dẫn đến vợ chồng mất dần tình cảm. Anh T nhận thấy mâu thuẫn không thể khắc phục nên yêu cầu được ly hôn với chị Nghiêm Thị Hà M.

Chị Nghiêm Thị Hà M cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được nên cũng thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Đinh Công T và chị Nghiêm Thị Hà M có một con chung là Đinh Công K, sinh ngày 01/12/2014. Khi ly hôn, anh T và chị M đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con.

Theo anh T, từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung sống với anh. Từ tháng 7/2018 cho đến nay, con chung sống với chị M tại Hà Nội và chị M không cho anh gặp con. Anh có nơi ở, việc làm và thu nhập ổn định, còn chị M ở nhà thuê, thường xuyên thay đổi chỗ ở nên không thể có điều kiện, môi trường tốt để nuôi con.

Theo chị M, chị phải thay đổi chỗ ở và không cung cấp nơi ở của 2 mẹ con cho anh T và cho Tòa án là vì chị không muốn anh T biết vì mỗi lần anh T đến đều gây sự, ảnh hưởng đến tâm lý của con.

Về tài sản: Anh T và chị M đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2018/HNGĐ-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T đã xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị M; giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị M cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng; 2 bên không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không xét.

Ngày 10/12/2018, chị Nghiêm Thị Hà M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về việc giao nuôi con với lý do: Chị có nơi ở ổn định tại phố K đến năm 2016 chuyển về ở phố C cho đến nay. Hiện chị đã có sổ tạm trú tại địa chỉ này nên có đủ điều kiện để nuôi con. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/3/2019, anh T giữ yêu cầu ly hôn, chị M giữ yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để chị cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh T đã có vợ con khác và chị có đầy đủ điều kiện nuôi con.

Sau khi Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, chị M nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tại phiên tòa ngày 09/4/2019, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho My trình bày: Do mâu thuẫn vợ chồng và gia đình nhà chồng, chị M đã rời khỏi nhà chồng với 02 bàn tay trắng nhưng vẫn bế con đi theo khi con mới hơn được 1 tuổi (BL 24/0162, 88/0084). Chị M bị mất quyền nuôi con là do anh T đã đến nhà chị M giành lại con để mang về H nuôi trong khi con vẫn còn đang bú mẹ là tước đi quyền của chị M được nuôi con dưới 36 tháng tuổi mà pháp luật đã quy định. Trong thời gian con ở H, anh T và gia đình ngăn cản khiến chị M không trực tiếp đến thăm con được mà phải nhờ đến mẹ đẻ. Và cũng phải nhờ đến mẹ đẻ thì chị M mới đưa được con ra khỏi nhà anh T thì chị M mới được trực tiếp chăm sóc con. Cấp sơ thẩm đã bỏ qua tình tiết này, phủ nhận vai trò, trách nhiệm, tình cảm của chị M trong việc nuôi dưỡng con. Anh T làm nghề cắt tóc tự do ở quê, thời gian phụ thuộc vào khách hàng, không có thu nhập ổn định không thể có điều kiện tốt hơn chị M làm giờ hành chính tại Hà Nội, có nhà cho thuê, thu nhập hàng tháng 16 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định một phía theo lời khai của nguyên đơn mà không có một từ nào, một chữ nào đánh giá, nhận định về phía bị đơn. Đơn xin ly hôn của anh T không có ngày tháng năm, không có tên Tòa án nhận và Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ như lời khai của mẹ đẻ chị M nên đề nghị Tòa án hủy án sơ thẩm để xét xử lại. Nếu không thì đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của chị M, sửa một phần án sơ thẩm, giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội xác định anh T và chị M đều có công việc và nơi ở ổn định; nhưng chị M không quan tâm, chăm sóc con chung trong thời gian anh T nuôi dưỡng; khi chị M nuôi dưỡng thì lại cản trở anh T, không cho anh T thăm con; gia đình và chính quyền địa phương nơi anh T sinh sống đều xác nhận anh T chăm sóc con chu đáo nên án sơ thẩm giao con chung cho anh T nuôi dưỡng là có cơ sở, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị M; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của chị Nghiêm Thị Hà M làm trong thời hạn kháng cáo, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đơn ly hôn của anh Đinh Công T không có ngày tháng năm làm đơn khởi kiện, không có tên Tòa án nhận đơn khởi kiện nhưng Tòa án nhân dân thành phố H vẫn thụ lý vụ án sau đó chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân quận T là không đầy đủ theo quy định Điểm a và b Khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và bản án sơ thẩm không nhận định, đánh giá về điều kiện nuôi con của chị Nghiêm Thị Hà

M, chưa thu thập chứng cứ và chứng minh đầy đủ nhưng tại cấp phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ nên không thuộc trường hợp hủy bản án sơ thẩm.

[3] Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo nên những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo thì Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Xét kháng cáo của chị Nghiêm Thị Hà M về việc giao nuôi con nhận thấy:

Bản án sơ thẩm nhận định, thời điểm hiện tại, anh T có đầy đủ điều kiện về nơi ở, việc làm và thu nhập ổn định để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; từ khi vợ chồng mâu thuẫn, anh T chăm sóc tốt cả về thể chất và tinh thần mà không làm rõ nguyên nhân anh T có thời gian trực tiếp chăm sóc con, không nhận định về điều kiện nuôi con của chị M nên quyết định giao con chung cho anh T nuôi dưỡng của cấp sơ thẩm là chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ do các bên đưa ra.

Hồ sơ thể hiện chị M đã nộp Sổ tạm trú cùng mẹ và con từ năm 2015 tại phố K (bút lục 33). Năm 2016 do vợ chồng cãi nhau, chị M tự ý bỏ nhà đi cùng con (lời khai anh T tại bút lục 24). Tháng 6/2016 anh T đã đến giành giật con đưa về H (bút lục 95) và không cho chị M thăm con. Từ năm 2016 đến nay chị M ở nhờ tại địa chỉ phố C, có đăng ký tạm trú nhưng tại thời điểm xét xử sơ thẩm chị M chưa cung cấp được sổ tạm trú (bút lục 19), nay tại cấp phúc thẩm chị M đã nộp được sổ tạm trú và xác nhận của chủ nhà là bác của chị M. Từ tháng 6/2018, chị M đã nhờ mẹ đẻ về nhà anh T đón con đi chơi rồi giữ con lại ở với chị cho đến nay. Hiện chị M đang làm Trưởng phòng hành chính Công ty cổ phần N chi nhánh Hà Nội với thu nhập 16.700.000đ/tháng (Giấy xác nhận lương ngày 01/3/2019 và hợp đồng lao động (các bút lục 35, 38, 41); ngoài ra chị M còn có nhà ở cho thuê mỗi tháng 4.000.000đ (bút lục 65, Hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2019).

Anh T không có nhà ở của riêng, sống chung với bố mẹ đẻ ở H, làm nghề cắt tóc và kinh doanh online tại nhà, thu nhập tự khai, không có tài liệu chứng minh từ 6 - 8 triệu đồng/tháng (bút lục 20, 41) nay tại phiên tòa anh T tự khai thu nhập từ 15 – 20 triệu/tháng.

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn trong trường hợp vợ, chồng không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, không phải là căn cứ vào thời gian nuôi con của của mỗi bên nhiều hay ít trong khi việc đón con về nuôi của 02 bên đều không được sự đồng ý của người kia. Anh T giành con về nuôi khi con chỉ mới hơn 1 tuổi là không quan tâm đến quyền lợi của con dưới 36 tháng tuổi đã được pháp luật bảo vệ tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh T, chị M nuôi con đều có hành vi cản trở người kia trong việc thăm con. Chị M ở thủ đô nơi có điều kiện về mọi mặt cao hơn nơi ở của anh T tại H. Thu nhập của 2 bên là tương đương nhau nhưng thu nhập của anh T tự khai, không ổn định, không có chứng cứ chứng minh; còn thu nhập của chị M ổn định, có tài

liệu chứng minh. Về điều kiện thời gian thì chị M làm giờ hành chính nên việc đưa đón và chăm sóc con sau giờ tan trường sẽ tốt hơn anh T làm tóc và bán hàng online - công việc không có giờ giấc cố định. Con chung là Đinh Công K, sinh ngày 01/12/2014, chưa đi học lớp 1, rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ cho sự phát triển về thể chất và tinh thần. Hội đồng xét xử xét thấy chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo tính ổn định, tránh sự xáo trộn môi trường sống và học tập của con hiện nay. Từ những căn cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị M, sửa án sơ thẩm, giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T và chị M đều tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng trong trường hợp người kia được nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M vẫn đồng ý cấp dưỡng nuôi con như ở cấp sơ thẩm nếu anh T được nuôi con chung, còn anh T chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng nếu chị M được nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại cấp sơ thẩm anh T khai thu nhập có từ 6 – 8 triệu đồng/tháng nhưng vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng; nay tại phiên tòa phúc thẩm anh T khai thu nhập từ 15 – 20 triệu đồng/tháng nhưng lại chỉ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng là không phù hợp với mức thu nhập, khả năng thực tế của bản thân và nhu cầu thiết yếu của con. Căn cứ vào mức thu nhập anh T khai tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào khả năng thực tế của anh T mà anh đã tự nguyện cấp dưỡng tại phiên tòa sơ thẩm và căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của con chung mới 5 tuổi, Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mức 4.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị M không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả chị M tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2018/HNGĐ-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T về việc nuôi con. Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Công T và chị Nghiêm Thị Hà M.
2. Về nuôi con: Giao con chung Đinh Công K, sinh ngày 01/12/2014 cho chị Nghiêm Thị Hà M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên.

Buộc anh Đinh Công T cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2019 đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn, anh Đinh Công T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Đinh Công T và chị Nghiêm Thị Hà M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đinh Công T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 3341 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh H. Anh Đinh Công T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Nghiêm Thị Hà M không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả cho chị Nghiêm Thị Hà M 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 5543 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội
- Chi cục THA DS quận T
- Chi cục THA DS thành phố H
- Tòa án ND quận T.
- UBND phường T, thành phố H, tỉnh H
- (Giấy CNKH số 31/2014 ngày 12/6/2014)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

